

Tứ Minh, ngày 7 tháng 01 năm 2025

DỰ TOÁN

Các khoản thu, mức thu, nội dung chi các khoản thu
trong nhà trường năm học 2024-2025

**A. CÁC KHOẢN THU THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 17/2024/NQ-
HĐND NGÀY 18/10/2024 CỦA HĐND TỈNH HẢI DƯƠNG**

I. Thu dịch vụ tin nhắn, số liên lạc điện tử

1. Căn cứ xây dựng mức thu: Báo giá dịch vụ của các đơn vị cung cấp dịch vụ.

2. Mức thu: 90.000đ/hs/năm

3. Nội dung chi:

Chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ: 90.000đ/hs/năm

Chi cho công tác nhập liệu: Không

Chi phí lựa chọn nhà thầu: Không

Chi khác: Không

II. Thu dịch vụ vệ sinh trường lớp: Dự 1.610 học sinh

1. Nội dung chi:

1.1. Tiền công cho người lao động: 27.720.000 đồng/tháng

- Số người: 06 người

- Chi tiền công cho người lao động trung bình: 4.620.000 đồng/người/tháng

1.2. Tiền dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn khoảng: 7.700.000 đồng/tháng

Tổng chi 1 tháng: 35.420.000 đồng (1.1+1.2)

2. Mức thu:

- Tổng số học sinh dự kiến thu: 1610 HS;

- Mức thu/tháng = $35.420.000 / 1610 = 22.000$ đ/HS/tháng

III. Thu dịch vụ điều hòa phục vụ nhu cầu của học sinh

+ Dự kiến mức thu: thu theo số điện tiêu hao trực tiếp trên công tơ của mỗi lớp vào cuối kì và cuối năm học.

+ Dự kiến nội dung chi:

Chi tiền điện sử dụng điều hòa các lớp cho Công ty điện lực.

B. CÁC KHOẢN THU ĐƯỢC QUY ĐỊNH TẠI CÁC VĂN BẢN KHÁC

I. Thu trông giữ xe của học sinh: Dự kiến 335 học sinh

1. Nội dung chi:

1.1. Thuế và các khoản phải nộp NSNN theo quy định: 5% thuế GTGT + 5% thuế TNDN

1.2. Tiền công cho người trông xe: khoảng 66%-67% số tiền thu được sau khi đã trừ 10% thuế (5% thuế GTGT + 5% thuế TNDN)

1.3. Chi tiền sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nhà để xe: khoảng 31%-32% số tiền thu được sau khi đã trừ 10% thuế.

1.4. Các chi phí khác phục vụ trực tiếp cho công tác trông xe: 1%-2% số tiền thu được sau khi đã trừ 10% thuế.

Tổng chi: 16.750. 000 đồng (1.1+1.2+1.3+1.4)

2. Mức thu: 10.000 đồng/học sinh/tháng

Mức thu/tháng = Tổng chi : Số tháng : Số học sinh dự kiến thu.

(Mức thu trông giữ xe đạp không quá 10.000 đồng/học sinh/tháng; Mức thu trông giữ xe đạp điện, máy điện, xe máy không quá 20.000 đồng/học sinh/tháng)

II. Thu dạy 2 buổi/ngày

1. Cơ sở xây dựng mức thu

- Quỹ lương bình quân giáo viên tham gia dạy 2 buổi/ngày tại thời điểm xây dựng mức thu;

- Quy định về chế độ làm thêm giờ;

- Quy định về thuế và các khoản phải nộp NSNN;

- Các chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác dạy 2 buổi/ngày.

2. Nội dung chi:

- Chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy;

- Chi cho công tác quản lý;

- Chi tiền điện, nước, hỗ trợ tái đầu tư cơ sở vật chất;

- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước (thuế).

3. Tính toán mức thu: (Có bản chi tiết kèm theo)

3.1. Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước (Thuế): 2% tổng mức thu

3.2. Chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy 80% số tiền còn lại sau khi đã nộp thuế được tính theo công thức sau:

Số tiền chi trả 01 giờ dạy cho giáo viên = Tiền lương bình quân 1 giờ của tham gia dạy thêm tại thời điểm xây dựng mức thu x 150%

3.3. Chi cho công tác quản lý: 15% số tiền còn lại sau khi đã nộp thuế

3.4. Chi tiền điện nước, sửa chữa, hỗ trợ tái đầu tư CSVC: 5% số tiền còn lại sau khi đã nộp thuế.

III. Thu dạy kỹ năng sống:

- Dự kiến thu: 12.000 đ/hs/ tiết/tuần

- Dự kiến chi: Trả cho đơn vị liên kết, chi công tác đầu thầu: 12.000đ/hs/tiết/tuần

IV. Thu học tiếng Anh do giáo viên nước ngoài dạy

- Dự kiến thu: 40.000 đ/hs/ tiết/tuần

- Dự kiến chi: Trả cho đơn vị liên kết, chi công tác đầu thầu: 40.000đ/hs/tiết/tuần

VI. Thu tiền nước uống cho học sinh

Cơ sở xây dựng mức thu:

- Định mức nước uống theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học.

- Giá nước uống trên thị trường (báo giá);

- Chi phí lựa chọn nhà thầu : Không

Phân chi:

- Số học sinh dự kiến thu: 1610 hs
 - Số tiền bình nước 20 lít: 17.280 đ
 - Trung bình học sinh uống cả mùa hè, mùa đông: 0,34 lít/buổi học (tương đương 2-3 cốc nước)
 - Dự tính theo tháng:
 - * Tiền nước uống:
 - + Học sinh toàn trường uống nước 22 ngày học (tương đương 1 tháng học):

$$0,34 \text{ lít} \times 1610 \text{ hs} \times 22 \text{ ngày} = 12.042,8 \text{ lít/bình } 20 \text{ lít} = 602,14 \text{ bình.}$$
 - + Số tiền chi cho nước uống 22 ngày học:

$$602,14 \text{ bình} \times 17.280 \text{ đ} = 10.404.979,2 \text{ đ}$$
 - + Số tiền trung bình học sinh phải chi trả để mua nước:

$$10.404.979,2 \text{ đ} : 1610 \text{ hs} = 6.462,72 \text{ đ}$$

(làm tròn: 6.500 đ/hs/tháng)
 - * Tiền chi phí công cụ, dụng cụ phục vụ trực tiếp cho việc tổ chức phục vụ nước uống cho học sinh, công vận chuyển nước lên các lớp: 2.400.000 đ/02 người/tháng tương đương 1.490,68 đ/hs/tháng (làm tròn: 1.500 đ/hs/tháng)
 - Vậy tổng số tiền tổng từ tiền nước uống = 6.500 + 1.500 = 8.000 đ/hs/tháng
- Phân thu: Căn cứ vào dự chi tiền nước, mức thu dự kiến của đơn vị cho học sinh là: 8.000 đ/ học sinh/ tháng.

HIỆU TRƯỞNG



**TRƯỜNG
TIỂU HỌC
TỨ MINH**

Nguyễn Thị Hoài Ngọc